

Số: 497 /HD-SNN

Lai Châu, ngày 25 tháng 11 năm 2013

### HƯỚNG DẪN

Thực hiện một số nội dung Quyết định số 29/2013/QĐ-UBND ngày 29/10/2013 của UBND tỉnh Lai Châu Ban hành quy định về thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp trên địa bàn

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ  
TỈNH LAI CHÂU

Số: S/ĐA  
Ngày: 05/12/2013

Chuyên: .....

Lưu hồ sơ số: .....

sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2014 - 2016

Căn cứ Pháp lệnh giống cây trồng số 15/2004/PL-UBTVQH11 ngày 24/03/2004 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Pháp lệnh giống vật nuôi số 16/2004/PL-UBTVQH11 ngày 24/03/2004 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Quyết định số 666/QĐ-UBND ngày 20/6/2013 của UBND tỉnh Lai Châu về việc Ban hành định mức kinh tế kỹ thuật (tạm thời) cho một số loại cây trồng, vật nuôi, thủy sản theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ và các chương trình, dự án khác trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 29/2013/QĐ-UBND ngày 29/10/2013 của UBND tỉnh về việc ban hành qui định về thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2014 – 2016;

Để quản lý và sử dụng đúng, hiệu quả nguồn vốn hỗ trợ; Sở Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn cụ thể một số nội dung sau:

#### I. Hỗ trợ phát triển sản xuất (Chi tiết tại Phụ lục 01 kèm theo)

##### 1. Hỗ trợ lúa lai, lúa thuần (vụ Đông Xuân, vụ Mùa)

a) Lúa lai: Giống được phép sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam; không quá 50% diện tích/vụ. Gồm các giống sau: Thực Hưng 6, Nghi hương 2308, LC 25, 270, Nam Dương 99, Xuyên Hương 178, Việt Lai 20, Nam Ưu 604, 603, Đắc Ưu 11.

Yêu cầu: Sản xuất tại các vùng có điều kiện thâm canh như: Chủ động về nước tưới, có điều kiện đầu tư về phân bón (phân hữu cơ, phân đạm, lân, kali) và thực hiện theo đúng quy trình sản xuất lúa lai; năng suất phải đảm bảo đạt > 80% năng suất lý lịch của giống. Không sản xuất lúa lai tại các vùng không có điều kiện thâm canh hoặc không đầu tư thâm canh.

b) Lúa thuần (tiêu chuẩn xác nhận): Hạt giống xác nhận là hạt giống được nhân ra từ hạt giống nguyên chủng, do tổ chức, cá nhân chọn tạo ra hoặc phục tráng theo quy trình phục tráng hạt giống siêu nguyên chủng và đạt tiêu chuẩn, chất lượng về kiểm định, kiểm nghiệm chất lượng giống, do tổ chức chứng nhận thực hiện.

- Giống được phép sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam, không quá 40% diện tích/vụ, gồm các giống sau: Hương thơm số 1, RVT, PC6, Khang dân 18, IR64, Bắc Thơm số 7, Nếp 97, Sóng Cù, DS1.

- Đối với giống lúa thuần (xác nhận), giống lúa nguyên chủng, được sử dụng vụ đầu, có thể để làm giống cho vụ thứ 2 - thứ 3, nhưng phải chọn những nơi đất tốt, có điều kiện thâm canh và không bị lẫn tạp các giống khác, nhưng không được dùng quá 3 vụ mà phải thay đổi giống mới khác.

## **2. Hỗ trợ ngô lai (vụ Xuân hè, vụ Thu đông, vụ đông)**

Giống được phép sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam, tối thiểu 80% diện tích/vụ, gồm các giống sau:

- Ngô tẻ lai: CP 989, LVN 10, NK 4300, NK 66, CP 333, CP 999.

- Ngô nếp lai: MX 6, MX 10, HN 88.

Yêu cầu: Có điều kiện đầu tư về phân bón: đạm, lân, kali và thực hiện theo đúng quy trình sản xuất ngô lai.

Trên cơ sở bộ giống nêu trên, đề nghị UBND các huyện, thị xã, phải quy hoạch vùng sản xuất tập trung, quy mô, hiệu quả; đối với giống lúa lai lựa chọn 3- 4 giống, lúa thuần không quá 4 giống trên địa bàn huyện, thị xã và căn cứ điều kiện sinh thái, địa hình, chất đất, trình độ thâm canh của nông dân để lựa chọn các giống phù hợp nhằm đạt năng suất, chất lượng cao. Sau mỗi vụ phải có đánh giá năng suất từng loại giống, để có cơ sở bố trí cơ cấu giống cho phù hợp với từng địa phương. Tuy nhiên để đảm bảo an toàn cho sản xuất đối với giống mới đã nằm trong cơ cấu giống cây trồng của tỉnh nhưng lần đầu được đưa vào gieo trồng tại địa phương đề nghị các huyện, thị xã đưa vào làm mô hình trình diễn và phải có theo dõi, quản lý, đánh giá tổng kết làm cơ sở cho việc mở rộng diện tích gieo trồng vào các vụ tiếp theo.

Đối với các giống mới đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận là giống cây trồng Quốc gia nhưng chưa nằm trong cơ cấu giống cây trồng của tỉnh. Đề nghị các huyện, thị xã, phối hợp với đơn vị liên quan, gửi văn bản kèm theo kế hoạch thực hiện mô hình trình diễn và toàn bộ hồ sơ liên quan của giống về Sở Nông nghiệp và PTNT Lai Châu để thực hiện chức năng quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật. Trong quá trình thực hiện mô hình trình diễn phải thực hiện 3 vụ liên tiếp/2 năm và phải theo dõi, đánh giá, tổng kết mô hình, để làm cơ sở cho việc xem xét bổ xung vào cơ cấu giống cây trồng của tỉnh.

## **II. Hỗ trợ phát triển và chuyển đổi phương thức chăn nuôi đại gia súc**

### **1. Hỗ trợ giống trâu, bò**

Trâu, bò giống được hỗ trợ có những tiêu chuẩn sau:

- Giống trâu, bò: Trâu nội (địa phương); bò lai nhóm Zêbu hoặc bò vàng địa phương, ưu tiên giống bò Mông.

- Tuổi: từ 1,5 - 2 tuổi,

- Trọng lượng: từ 150 kg trở lên (đối với trâu, bò đực) và 120 kg trở lên đối với trâu, bò cái.

- Có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng, trong phạm vi tại tỉnh Lai Châu.

- Về ngoại hình, thể chất:

+ Đối với trâu, bò đực giống: Toàn thân phát triển cân đối, không có khuyết tật; đầu và cổ to (nhưng không quá thô), sừng dài, gốc sừng to, cong hình bán nguyệt điển hình; vai to, vạm vỡ, lưng dài, hông rộng, thẳng, phẳng; mông dài, rộng, ít dốc, bụng gọn, thon, không sệ; chân to, khỏe, phát triển cân đối, lúc đi không chạm khoeo, móng tròn, khít; hai hòn cà to, đều.

+ Đối với trâu, bò cái giống: Toàn thân phát triển cân đối, không có khuyết tật; đầu dài và cổ nhỏ, thanh, sừng vừa phải, cong hình bán nguyệt điển hình; lưng dài, hông rộng, thẳng, phẳng; mông dài, rộng, ít dốc; bụng gọn, không sệ; chân phát triển cân đối, đi không chạm khoeo, móng tròn, khít; bầu vú to, núm vú dài, đều, cân đối; âm hộ mẩy, bóng, mép không nhiều nếp.

## 2. Hỗ trợ làm chuồng trại

Theo tiêu chuẩn được quy định tại Quyết định số 29/2013/QĐ-UBND. Riêng hố chứa ủ phân có dung tích chứa từ 1,5m<sup>3</sup>/con trở lên. Khung chuồng (cột và dóng ngăn) làm bằng bê tông cốt thép hoặc bằng gỗ, tre tốt.

## 3. Hỗ trợ trồng cỏ

Sử dụng các giống cỏ: Cỏ voi, cỏ VA06, cỏ Ghinê (cỏ sả).

Cỏ được trồng tập trung theo lô, hàng hoặc có thể trồng xen, trồng tận dụng quanh bờ ao, bờ vùng, bờ thửa, hàng rào...

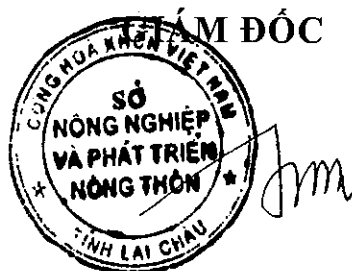
## III. Kế hoạch hỗ trợ sản xuất nông nghiệp và Bản cam kết

(Chi tiết tại Phụ lục 02 kèm theo)

Trên đây là Hướng dẫn thực hiện một số nội dung Quyết định số 29/2013/QĐ-UBND ngày 29/10/2013 của UBND tỉnh Lai Châu về Ban hành quy định về thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2014 - 2016 của Sở Nông nghiệp và PTNT. Đề nghị UBND các huyện, thị xã, các đơn vị liên quan làm căn cứ để triển khai thực hiện. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu gặp khó khăn vướng mắc kịp thời phản ánh bằng văn bản về sở Nông nghiệp & PTNT để xem xét, giải quyết. / *Jm*

### Nơi nhận:

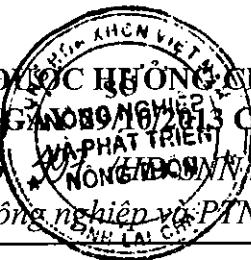
- TT Tỉnh uỷ ( b/c);
- TT HĐND tỉnh ( b/c);
- TT UBND tỉnh ( b/c);
- Đ/c Lê Trọng Quảng - PCT UBND tỉnh (b/c);
- Lãnh đạo Sở;
- Sở Tài chính;
- Sở KH & ĐT;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã;
- Phòng Nông nghiệp và PTNT (Kinh tế) các huyện, thị xã;
- Các phòng, ban, đơn vị trực thuộc Sở;
- Các đơn vị kinh doanh giống cây trồng trên địa bàn tỉnh;
- Lưu: VT, NN (2)



Hà Văn Um

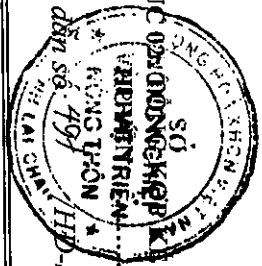
PHỤ LỤC 01: CÁC GIỐNG LÚA, NGŨ ĐƯỢC HƯỚNG DẪN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THEO QUYẾT  
 ĐỊNH SỐ 29/2013/QĐ-UBND NGÀY 09/10/2013 CỦA UBND TỈNH LAI CHÂU

(Ban hành kèm theo Hướng dẫn số 10/NĐ-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2013 của  
 Sở Nông nghiệp và PTNT)



Stt	Loại cây trồng	Đặc điểm của giống	
		Thời gian sinh trưởng (ngày)	Năng suất
<b>I</b>	<b>Giống lúa lai</b>		
1	Thục Hưng 6	Vụ Đông xuân: 132 - 137 ngày Vụ Mùa: 110 - 114 ngày	60-70 tạ/ha
2	Nghi Hương 2308	Vụ Đông xuân: 130 - 135 ngày Vụ Mùa: 110 - 115 ngày	60 - 70 tạ/ha
3	Giống LC 25, 270	Vụ Đông xuân: 120 - 125 ngày Vụ Mùa: 100 - 105 ngày	Vụ Đông xuân: 60 - 70 tạ/ha Vụ Mùa: 55 - 60 tạ/ha
4	Nam Dương 99	Vụ Đông xuân: 130 - 135 ngày Vụ Mùa: 105 - 110 ngày	Vụ Đông xuân: 68 - 75 tạ/ha Vụ Mùa: 55 - 60 tạ/ha
5	Việt Lai 20	Vụ Đông xuân: 110 - 115 ngày Vụ Mùa: 90 - 95 ngày	Vụ Đông xuân: 60 - 70 tạ/ha Vụ Mùa: 55 - 60 tạ/ha
6	Nam Ưu 604, 603	Vụ Đông xuân: 110 - 115 ngày Vụ Mùa: 100 - 105 ngày	65 - 70 tạ/ha
7	Xuyên Hương 178	Vụ Đông xuân: 120 - 125 ngày Vụ Mùa: 100 - 110 ngày	75 - 80 tạ/ha
8	Đặc ưu 11	Vụ Đông xuân: 125 - 127 ngày Vụ Mùa: 107 - 110 ngày	Vụ Đông xuân: 56 - 78 tạ/ha Vụ Mùa: 58 - 62 tạ/ha
<b>II</b>	<b>Lúa thuần</b>		
1	RVT	Vụ Đông xuân: 125 - 130 ngày Vụ Mùa: 100 - 105 ngày	Trung bình đạt 54 - 58 tạ/ha
2	PC6	Vụ Đông xuân: 120 - 125 ngày Vụ Mùa: 90- 95 ngày	Vụ Đông xuân: 53 - 57 tạ/ha Vụ Mùa: 50 -55 tạ/ha
3	Khang dân 18	Vụ Đông xuân: 130 - 135 ngày Vụ Mùa: 105 - 110 ngày	Trung bình 40 - 45 tạ/ha
4	Hương thơm số 1	Vụ Đông xuân: 130 - 132 ngày Vụ Mùa: 105 - 110 ngày	Trung bình đạt 50 - 55 tạ/ha, thâm canh cao có thể đạt 70 -75 tạ/ha
5	IR64	Vụ Đông xuân: 105 - 110 ngày Vụ Mùa: 105 - 110 ngày	Trung bình đạt 45 - 50 tạ/ha, thâm canh cao có thể đạt tới 60 - 65 tạ/ha

6	Bắc Thơm số 7	Vụ Đông xuân: 135 - 140 ngày Vụ Mùa: 115 - 120 ngày	Trung bình đạt 35 - 40 tạ/ha, thâm canh cao có thể đạt tới 45 - 50 tạ/ha (Giống được Bộ NN khuyến cáo hạn chế sử dụng vì nhiễm bạc lá) chỉ sử dụng trong năm 2014
7	Séng Cù	Vụ Xuân 125 - 135 ngày, Vụ Mùa 105 - 115 ngày	Trung bình đạt 50 tạ/ha
8	DS1	Vụ Xuân 145 - 155 ngày, Vụ mùa 110 - 115 ngày,	Trung bình đạt 60- 70 tạ/ha
9	Nếp N97	Vụ Đông xuân: 140 - 143 ngày Vụ Mùa: 103 - 110 ngày	Trung bình đạt 55 - 65 tạ/ha
<b>III</b>	<b>Giống ngô</b>		
1	NK4300	105 - 110 ngày	Trung bình 50 - 60 tạ/ha
2	CP 989	113 - 118 ngày	Trung bình 50 - 70 tạ/ha
3	LVN 10	Vụ Xuân hè: 113 - 118 ngày Vụ Thu đông: 110 - 120 ngày	Trung bình 55 - 60 tạ/ha
4	NK 66	Từ 113 - 118 ngày	Trung bình 70 - 77 tạ/ha
5	CP 333	Vụ Xuân hè: 115 - 120 ngày Vụ Thu đông: 110 - 115 ngày	Trung bình 65 - 75 tạ/ha
6	CP 999	Vụ Xuân hè: 105 - 110 ngày vụ Thu đông: 110 - 118 ngày	Trung bình 70 - 75 tạ/ha (giống chỉ sử dụng trồng vụ Xuân hè, hạn chế dùng vụ thu đông vì khả năng chịu hạn kém)
7	MX 6	Vụ Xuân hè: 97 ngày Vụ Thu, Đông: 91 ngày	Trung bình 42 - 51 tạ/ha
8	MX 10	Vụ Xuân hè: 96 ngày Vụ Thu, Đông: 84 ngày	Vụ Xuân hè: hạt khô 37 tạ/ha Vụ Thu, Đông: 55 tạ/ha
9	HN 88	Vụ Xuân hè: 96 ngày Vụ Thu, Đông: 84 ngày	Xuân hè hạt khô 37 tạ/ha vụ Thu, Đông hạt khô 55 tạ/ha



PHỤ LỤC 02: **HOẠCH HỖ TRỢ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP**

NĂM .....

(Ban hành kèm theo Hướng dẫn số 49/HD-SNN ngày 25 tháng 11 năm 2013 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

TT	Danh mục	Diện tích (Ha)	ĐVT	Số lượng				Đơn giá (Đồng)	Kinh phí (Tr. Đồng)				Ghi chú	
				Tổng cộng	Trong đó				Tổng cộng	Trong đó				
					CS 29	135	30a			CS khác	CS 29	135		30a
<b>1</b>	Lúa		Tấn											
<b>a</b>	Vụ đông xuân		Tấn											
	Vùng I		Tấn											
	Lúa lai		Tấn											
	Lúa thuần		Tấn											
	Vùng II		Tấn											
	Lúa lai		Tấn											
	Lúa thuần		Tấn											
	Vùng III		Tấn											
	Lúa lai		Tấn											
	Lúa thuần		Tấn											
<b>b</b>	Lúa mùa		Tấn											
	Vùng I		Tấn											
	Lúa lai		Tấn											
	Lúa thuần		Tấn											
	Vùng II		Tấn											
	Lúa lai		Tấn											







Kế hoạch													
TT	Danh mục	Diện tích (Ha)	ĐVT	Tổng cộng	Số lượng			Đơn giá (Đồng)	Tổng cộng	Kinh phí (Tr. Đồng)			Ghi chú
					CS 29	135	30a			CS khác	CS 29	135	
-	HT 30%		Máy										
-	HT 40%		Máy										
-	HT 50%		Máy										
7	Hỗ trợ khai hoang ruộng nước, ruộng bậc thang		Ha										
a	Ruộng nước		Ha										
b	Ruộng bậc thang		Ha										
8	Hỗ trợ xây dựng cánh đồng, khu ruộng bậc thang tập trung		Ha										
	Hỗ trợ dòn điền		Ha										
9	Hỗ trợ trồng cao su												
-	Hỗ trợ qui chủ, góp đất												
-	Hỗ trợ trồng xen												
-	HT công lao động trồng cao su												

- Ghi chú:

Chính sách khác: Bao gồm chính sách phát triển vùng chè, cây cao su, chính sách miễn thuế lợi phi...

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



**BẢN CAM KẾT**

V/v: *Thực hiện sản xuất lúa, lúa thuần (xác nhận), ngô lai theo QĐ số: 29/2013/QĐ-UBND tỉnh Lai Châu*

**Kính gửi:** - Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện.....  
- UBND xã (phường, thị trấn).....

Họ tên chủ hộ:.....

Địa chỉ:.....

Đăng ký thực hiện sản xuất: Tên giống..... với diện tích:.....ha

Để việc sản xuất lúa (ngô) đạt hiệu quả cao, phát huy hiệu quả nguồn vốn hỗ trợ của Nhà nước gia đình tôi xin cam kết:

- Thực hiện sản xuất đảm bảo đúng quy mô, loại giống đã đăng ký với chính quyền địa phương.

- Chuẩn bị đầy đủ các điều kiện cần thiết như: Đất sản xuất chủ động nước, lao động, đầu tư đầy đủ phân bón theo qui trình kỹ để đạt hiệu quả.

- Thực hiện đúng theo hướng dẫn kỹ thuật sản xuất và cơ cấu giống gieo trồng của các cơ quan chuyên môn. Đối với giống lúa lai đảm bảo năng suất đạt > 80% năng suất của lý lịch giống.

Gia đình tôi tự nguyện cam kết thực hiện nghiêm túc những nội dung trên, trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề gì trái với những nội dung trên, gia đình tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm và hoàn trả lại toàn bộ kinh phí hỗ trợ của Nhà nước cho việc mua giống sản xuất./.

Ngày... tháng... năm 20....

**XÁC NHẬN CỦA ĐỊA PHƯƠNG**

**CHỦ HỘ CAM KẾT**

